

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**TRẦN VIỆT DŨNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC  
XẾP HẠNG TÍN DỤNG NỘI BỘ KHÁCH HÀNG  
DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP  
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM  
CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG**

**Chuyên ngành: TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG**

**Mã số: 60.34.20**

**TÓM TẮT  
LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**Đà Nẵng- Năm 2013**

**Công trình được hoàn thành tại**  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS VÕ THỊ THÚY ANH**

Phản biện 1: PGS. TS. NGUYỄN HÒA NHÂN

Phản biện 2: TS. LÊ CÔNG TOÀN

Luận văn đã được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 16 tháng 12 năm 2013.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng  
Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Hoạt động TD của hệ thống NHTM tại Việt Nam trong những năm gần đây có nhiều biến động, sau thời kỳ tăng trưởng nóng lại đến thời kỳ suy giảm, đi kèm theo đó là chất lượng TD bị giảm sút mà biểu hiện của nó là nợ xấu không ngừng gia tăng. Nợ xấu trước hết làm xấu đi hình ảnh của NHTM, qua đó làm giảm lòng tin của người gửi tiền, đồng thời về mặt kinh tế đã làm cho lợi nhuận của NH và lợi ích của cổ đông bị giảm đi nhanh chóng. Ở phạm vi nền kinh tế quốc gia, nợ xấu làm cho các DN ngày càng khó tiếp cận vốn vay, nền kinh tế kém phát triển. Nguyên nhân của vấn đề trên xuất phát từ cả các yếu tố bên ngoài NHTM (do hoạt động SXKD của DN, sự biến động của kinh tế vĩ mô) và xuất phát cả từ chính bên trong NHTM. Đối với các NHTM, nợ xấu phát sinh chủ yếu từ công tác QLRR tín dụng chưa được thực hiện tốt hay việc sử dụng các biện pháp, công cụ hỗ trợ QLRR tín dụng còn nhiều hạn chế, trong đó có việc vận hành hệ thống XHTD nội bộ và sử dụng kết quả XHTD nội bộ của NHTM.

Tại Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) là NHTM đầu tiên của hệ thống NHTM xây dựng Hệ thống XHTD nội bộ để xếp hạng cho ba đối tượng là KH cá nhân, KHDN và KH là định chế tài chính. Hệ thống XHTD nội bộ của BIDV được xây dựng để QLRR tín dụng tại Hội sở chính và các chi nhánh. Đối với BIDV Đà Nẵng, thời gian qua công tác XHTD nội bộ KHDN đã hỗ trợ tích cực trong việc ra quyết định TD, đo lường RRTD đối với KHDN. Thực tiễn cho thấy công tác XHTD nội bộ KHDN tại BIDV Đà Nẵng vẫn còn nhiều hạn chế, tuy nhiên tại BIDV Đà Nẵng chưa có nghiên cứu nào liên quan đến công tác XHTD nội bộ KHDN. Vì

lý do đó, tôi chọn nghiên cứu đề tài **“Hoàn thiện công tác XHTD nội bộ khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng”**.

## **2. Mục tiêu nghiên cứu**

Hệ thống hóa các vấn đề lý luận cơ bản về công tác XHTD nội bộ KHDN của NHTM, đánh giá thực trạng công tác XHTD nội bộ KHDN tại BIDV Đà Nẵng và đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác XHTD nội bộ KHDN tại BIDV Đà Nẵng.

\* **Câu hỏi nghiên cứu:** Đề tài tập trung vào việc trả lời các câu hỏi sau:

- Nội dung công tác XHTD nội bộ KHDN tại NHTM là gì?
- Tiêu chí đánh giá công tác XHTD nội bộ khách hàng DN là gì?
- Ưu, nhược điểm của công tác XHTD nội bộ khách hàng DN tại BIDV Đà Nẵng là gì?
- Cần làm gì để hoàn thiện công tác XHTD nội bộ khách hàng DN tại BIDV Đà Nẵng?

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đề tài tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận về công tác XHTD nội bộ KHDN tại NHTM và thực tiễn công tác XHTD nội bộ KHDN tại BIDV Đà Nẵng. Phạm vi nội dung của đề tài tập trung nghiên cứu công tác XHTD nội bộ KHDN dưới góc độ vận hành hệ thống XHTD nội bộ và sử dụng kết quả XHTD nội bộ trong hoạt động TD; Không gian nghiên cứu giới hạn tại BIDV Đà Nẵng và giới hạn thời gian nghiên cứu trong 03 năm (2010 – 2012).

## **4. Phương pháp nghiên cứu**

Kế thừa các đề tài nghiên cứu có liên quan đến công tác XHTD nội bộ KHDN tại NHTM, trên cơ sở nền tảng lý luận về công tác XHTD KHDN tại NHTM, đề tài vận dụng vào việc xem xét và đánh

giá thực trạng công tác XHTD nội bộ KHDN tại BIDV Đà Nẵng. Ngoài ra, đề tài còn sử dụng các phương pháp thống kê, so sánh, tổng hợp trong quá trình nghiên cứu.

**\* Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài**

- *Thứ nhất*, hệ thống hóa những vấn đề lý luận về XHTD và công tác XHTD nội bộ khách hàng doanh nghiệp.

- *Thứ hai*, trên cơ sở phân tích, đánh giá để đưa ra các nhận xét và kết luận về thực trạng công tác XHTD nội bộ KHDN tại BIDV Đà Nẵng. Từ đó, tìm ra những nguyên nhân của sự hạn chế.

- *Thứ ba*, từ việc đánh giá thực trạng của công tác XHTD nội bộ KHDN, đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác XHTD nội bộ khách hàng DN tại BIDV Đà Nẵng và kiến nghị với BIDV cũng như các cơ quan quản lý nhà nước về các vấn đề có liên quan nhằm hỗ trợ công tác XHTD nội bộ KHDN.

**5. Cấu trúc luận văn**

Chương 1: Cơ sở lý luận về công tác XHTD nội bộ khách hàng doanh nghiệp của ngân hàng thương mại

Chương 2: Thực trạng công tác XHTD nội bộ khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng.

Chương 3: Hoàn thiện công tác XHTD nội bộ khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng.

**6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu**

## CHƯƠNG 1

### CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC XẾP HẠNG TÍN DỤNG NỘI BỘ KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

#### 1.1. TÍN DỤNG VÀ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP

##### 1.1.1. Khái niệm tín dụng ngân hàng

##### 1.1.2. Khái niệm doanh nghiệp

##### 1.1.3. Tín dụng ngân hàng đối với doanh nghiệp

*a. Đặc điểm của tín dụng ngân hàng đối với doanh nghiệp*

*b. Phân loại tín dụng ngân hàng đối với doanh nghiệp*

*c. Vai trò của tín dụng ngân hàng đối với doanh nghiệp*

##### 1.1.4. Rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

##### *a. Khái niệm rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp*

RRTD trong cho vay DN được hiểu là tổn thất có khả năng xảy ra đối với nợ vay của DN tại NHTM do DN không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện toàn bộ hoặc một phần nghĩa vụ của mình theo cam kết.

##### *b. Phân loại rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp*

- Căn cứ vào nguồn gốc phát sinh, RRTD trong cho vay DN được phân chia thành rủi ro giao dịch và rủi ro danh mục.

- Căn cứ phạm vi gây ra rủi ro, RRTD được phân ra thành rủi ro TD đặc thù và rủi ro TD hệ thống.

##### *c. Nguyên nhân rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp*

##### *d. Hậu quả rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp*

#### 1.2. CÔNG TÁC XHTD NỘI BỘ KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

##### 1.2.1. Hệ thống XHTD nội bộ KHDN của NHTM

##### *a. Các khái niệm*

- Khái niệm xếp hạng tín dụng

XHTD là việc đưa ra nhận định về mức độ tín nhiệm đối với trách nhiệm tài chính; hoặc đánh giá mức độ rủi ro TD phụ thuộc vào các yếu tố bao gồm năng lực đáp ứng các cam kết tài chính, khả năng dễ bị vỡ nợ khi các điều kiện kinh doanh thay đổi, ý thức và thiện chí trả nợ của người đi vay.

- Khái niệm XHTD nội bộ KHDN của NHTM

XHTD nội bộ KHDN của NHTM là công việc bên trong của NHTM, tiến hành xếp hạng tín nhiệm đối với KHDN của mình nhằm lựa chọn, quyết định và ứng xử TD hợp lý với DN theo mức độ tín nhiệm.

- Khái niệm hệ thống XHTD nội bộ KHDN của NHTM

Hệ thống XHTD nội bộ KHDN của NHTM là hệ thống các chỉ tiêu tài chính và phi tài chính, các quy trình đánh giá DN dựa trên cơ sở định tính và định lượng về mặt tài chính, tình hình kinh doanh, quản trị và uy tín của DN.

***b. Nội dung các chỉ tiêu chấm điểm xếp hạng của hệ thống XHTD nội bộ KHDN***

❖ **Nhóm các chỉ tiêu tài chính:**

- Nhóm các chỉ tiêu thanh khoản
- Nhóm các chỉ tiêu hoạt động
- Nhóm các chỉ tiêu đòn cân nợ
- Nhóm chỉ tiêu về lợi nhuận

❖ **Nhóm các chỉ tiêu phi tài chính**

- Nhóm các chỉ tiêu về ảnh hưởng của môi trường kinh doanh đến hoạt động của DN
- Nhóm các chỉ tiêu về môi trường nội bộ của DN
- Nhóm các chỉ tiêu đánh giá về khả năng trả nợ của DN trong tương lai

- Nhóm các chỉ tiêu phản ánh lịch sử quan hệ TD với NHTM

### **1.2.2. Công tác XHTD nội bộ KHDN của NHTM**

#### ***a. Khái quát về công tác XHTD nội bộ KHDN của NHTM***

Công tác XHTD nội bộ KHDN của NHTM là toàn bộ quá trình từ việc xây dựng hệ thống các chỉ tiêu đánh giá và ban hành các văn bản hướng dẫn vận hành hệ thống xếp hạng, đến tổ chức thực hiện chấm điểm và sử dụng kết quả XHTD nội bộ KHDN trong hoạt động TD.

Về mặt tổ chức, công tác XHTD nội bộ KHDN của NHTM bao gồm: Tổ chức quản lý chủ yếu do Hội sở chính các NHTM thực hiện; vận hành hệ thống và sử dụng kết quả XHTD nội bộ KHDN do các chi nhánh NHTM thực hiện. Trên thực tế, khi nói đến công tác XHTD nội bộ KHDN thông thường người ta nói đến công việc vận hành hệ thống và sử dụng kết quả XHTD nội bộ của các chi nhánh NHTM.

#### ***b. Đặc điểm công tác XHTD nội bộ KHDN của NHTM***

- Công tác XHTD nội bộ KHDN được tiến hành dựa trên những thông tin thu thập từ DN được xếp hạng và những nguồn thông tin được coi là đáng tin cậy.

- Thứ hai, kết quả XHTD nội bộ KHDN chỉ là một tiêu chí phục vụ cho quá trình đưa ra quyết định TD và có giá trị trong một khoảng thời gian nhất định. Do vậy, công tác XHTD nội bộ KHDN không thể thay thế cho việc phân tích TD.

#### ***c. Bản chất của công tác XHTD nội bộ KHDN của NHTM***

Từ khái niệm chung về XHTD có thể thấy bản chất của công tác XHTD nội bộ KHDN là đo lường rủi ro tín dụng DN. Đo lường RRTD là một thuật ngữ dùng để chỉ việc xác định mức độ RRTD của một KH cụ thể thông qua việc xác định các nhân tố ảnh hưởng đến DN.



***d. Vai trò của công tác XHTD nội bộ KHDN đối với NHTM***

- Hỗ trợ sàng lọc doanh nghiệp vay vốn
- Thực hiện chính sách khách hàng
- Căn cứ đưa ra các điều khoản ràng buộc/hạn chế
- Giám sát doanh nghiệp vay vốn
- Phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

***e. Mục tiêu công tác XHTD nội bộ KHDN của NHTM***

- XHTD nội bộ phục vụ hoạt động quản trị RRTD
- XHTD nội bộ phục vụ công tác phát triển TD của NHTM

***f. Nội dung công tác XHTD nội bộ KHDN của NHTM***

- Thu thập và xử lý thông tin
- Thực hiện chấm điểm XHTD nội bộ KHDN
- Rà soát độc lập kết quả XHTD nội bộ KHDN
- Phê duyệt kết quả XHTD nội bộ
- Sử dụng kết quả XHTD nội bộ
- Kiểm tra công tác XHTD nội bộ

**1.2.3. Tiêu chí đánh giá kết quả công tác XHTD nội bộ KHDN của NHTM**

***a. Số lượng doanh nghiệp được XHTD nội bộ***

Số lượng DN được XHTD nội bộ là chỉ tiêu nhằm phản ánh quy mô công tác XHTD nội bộ KHDN của NHTM, số lượng DN được XHTD nội bộ càng nhiều thì khả năng kiểm soát RRTD của NH càng cao.

***b. Tỷ lệ dư nợ của các doanh nghiệp được XHTD nội bộ***

Số lượng và tỷ lệ doanh nghiệp được XHTD nội bộ là nhân tố quan trọng trong việc giám sát RRTD doanh nghiệp của NHTM, tuy nhiên tiêu chí này cần đặt trong mối quan hệ với tỷ lệ dư nợ của các DN được xếp hạng. Trong danh mục TD của NHTM, nếu các DN được XHTD nội bộ có một tỷ lệ dư nợ thấp hay các DN không được

XHTD nội bộ có một tỷ lệ cao về dư nợ thì sẽ tiềm ẩn một mức độ cao về RRTD. Điều này cần được các NHTM xem xét, đánh giá thận trọng nếu như toàn bộ dư nợ của các DN không được XHTD nội bộ đều được xếp vào nhóm nợ có chất lượng tốt nhất.

### ***c. Tần suất XHTD nội bộ***

Công tác XHTD nội bộ cần được thực hiện với tần suất hợp lý, nếu thực hiện với tần suất quá thấp thì RRTD sẽ càng cao. Tuy vậy, công tác XHTD nội bộ không hẳn tiến hành với tần suất cao là tốt mà vấn đề quan trọng là tại các thời điểm nền kinh tế khó khăn, NHTM cần phải tiến hành XHTD nội bộ KHDN với tần suất cao hơn.

### ***d. Mức độ thay đổi hạng của doanh nghiệp***

Mức độ thay đổi hạng của DN là chỉ tiêu phản ánh việc tăng/giảm hạng của DN xảy ra nhiều hay ít trong các kỳ xếp hạng.

Trong công tác XHTD nội bộ KHDN, mọi sự thay đổi của môi trường kinh tế hay sự thay đổi của chính nội bộ DN... đều có ảnh hưởng đến hoạt động của DN. Do vậy, những thay đổi này phải được cập nhật trong quá trình xếp hạng DN và ảnh hưởng của nó có thể làm thay đổi mức độ rủi ro (thay đổi hạng) của DN. Tuy vậy, hiện tượng DN thường xuyên bị thay đổi hạng, thậm chí bị thay đổi rất nhanh giữa các kỳ xếp hạng trong năm, nhất là khi việc thay đổi hạng làm tăng cả chất lượng TD của DN (đặc biệt là các DN có dư nợ lớn), thì kết quả XHTD nội bộ đối với DN cần phải được rà soát lại. Việc rà soát không chỉ được thực hiện bởi một bộ phận độc lập (không tham gia vào quá trình xếp hạng) mà còn phải được thực hiện bởi các bộ phận/cá nhân có chức năng phê duyệt kết quả xếp hạng.

### ***e. Khả năng đo lường RRTD doanh nghiệp của công tác XHTD nội bộ***

Ý nghĩa của các mức XHTD nội bộ KHDN là nhận định về tình

hình, tiềm năng hoạt động và khả năng trả nợ của DN. Theo đó, các DN được phân thành các nhóm từ khả năng trả nợ tốt nhất đến khả năng trả nợ kém nhất. Với cách xếp hạng như vậy, các DN được xếp hạng tốt nhất thì phải đảm bảo rằng không có sự phát sinh việc chậm trả nợ đối với các DN này. Nếu việc chậm trả nợ xảy ra đối với các DN được xếp hạng ở nhóm tốt nhất có nghĩa DN đã tiềm ẩn khó khăn trong hoạt động SXKD, dẫn đến khó khăn về việc thực hiện các cam kết tài chính nhưng chưa được NH cập nhật kịp thời hoặc chưa được đánh giá đúng.

***f. Mức độ sử dụng kết quả XHTD nội bộ KHDN trong hoạt động TD***

XHTD nội bộ KHDN là công việc mất nhiều thời gian và chi phí, do đó kết quả XHTD nội bộ cần được sử dụng tối đa trong hoạt động TD. Nếu kết quả XHTD nội bộ chỉ được sử dụng cho một số ít các mục đích của hoạt động TD thì rõ ràng là sự lãng phí lớn, làm giảm ý nghĩa của công tác XHTD nội bộ.

**1.2.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác XHTD nội bộ KHDN của NHTM**

***a. Nhân tố bên trong***

- Mô hình XHTD nội bộ được sử dụng
- Công nghệ được sử dụng XHTD nội bộ
- Nhân lực thực hiện công tác XHTD nội bộ

***b. Nhân tố bên ngoài***

- Tính minh bạch thông tin trong nền kinh tế
- Sự tác động của chính sách kinh tế vĩ mô đến hoạt động kinh doanh của DN

**CHƯƠNG 2****THỰC TRẠNG CÔNG TÁC XẾP HẠNG TÍN DỤNG NỘI BỘ  
KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP  
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM  
– CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG****2.1. KHÁI QUÁT VỀ NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT  
TRIỆU VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG****2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của BIDV Đà Nẵng****2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ và mô hình tổ chức của BIDV Đà  
Nẵng****2.1.3. Khái quát về hoạt động của BIDV Đà Nẵng trong 3  
năm (2010-2012)****2.1.4. Tình hình hoạt động TD doanh nghiệp tại BIDV Đà  
Nẵng****2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC XHTD NỘI BỘ KHÁCH HÀNG  
DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT  
TRIỆU VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG****2.2.1. Hệ thống XHTD nội bộ KHDN của Ngân hàng TMCP  
Đầu tư và Phát triển Việt Nam*****a. Mục đích xây dựng hệ thống XHTD nội bộ KHDN***

Hệ thống XHTD nội bộ của BIDV nhằm mục đích phân loại nợ và trích lập dự phòng RRTD và phục vụ công tác quản lý TD toàn hệ thống.

***b. Tần suất thực hiện XHTD nội bộ KHDN***

Công tác XHTD nội bộ KHDN được thực hiện mỗi quý một lần vào các thời điểm cuối mỗi quý, riêng quý IV thực hiện vào thời điểm 30/11.

**c. Nguyên tắc chấm điểm và phương pháp xếp hạng**

- *Phương pháp xếp hạng*: BIDV sử dụng phương pháp chấm điểm nhóm chỉ tiêu tài chính và phi tài chính, kết hợp với phương pháp chuyên gia và phương pháp thống kê để xếp hạng DN.

- *Nguyên tắc chấm điểm*

Điểm của DN = Điểm các chỉ tiêu tài chính x Trọng số phần tài chính + Điểm các chỉ tiêu phi tài chính x Trọng số phần phi tài chính

Trọng số của phần tài chính là 35% và phi tài chính là 65%. Trường hợp BCTC không được kiểm toán thì trọng số cho các chỉ tiêu tài chính chỉ còn 30%.

- *Cách thức XHTD nội bộ KHDN*

Bảng 2.5. Điểm xếp hạng khách hàng doanh nghiệp

Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại
90 – 100	AAA	59 – 65	B
83 – 90	AA	53 – 59	CCC
77– 83	A	44 – 53	CC
71 – 77	BBB	35 – 44	C
65 – 71	BB	Ít hơn 35	D

**c. Nội dung cơ bản của hệ thống XHTD nội bộ KHDN của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

KHDN được phân thành 35 ngành kinh tế, mỗi KHDN lại thuộc một loại hình sở hữu và ứng với một quy mô nhất định.

**\* Xác định danh mục các ngành kinh tế**

Ngành kinh tế được xác định dựa vào hoạt động SXKD chính của DN (hoạt động chiếm trên 50% doanh thu). Trường hợp DN kinh doanh đa ngành nhưng không có ngành nào có doanh thu chiếm từ trên 50% tổng doanh thu thì lựa chọn ngành có tiềm năng phát triển

nhất trong các ngành mà DN có hoạt động.

**\* Xác định quy mô và loại hình sở hữu doanh nghiệp**

DN được chia thành ba loại: Quy mô lớn, quy mô vừa và quy mô nhỏ. Quy mô DN được xác định dựa trên việc chấm điểm các chỉ tiêu: Vốn chủ sở hữu, số lượng lao động, doanh thu thuần và tổng tài sản. Căn cứ vào đối tượng sở hữu, DN được chia thành ba loại hình là DN nhà nước, DN có vốn đầu tư nước ngoài và DN khác.

**\* Các bộ chỉ tiêu đánh giá xếp hạng doanh nghiệp**

- *Các chỉ tiêu tài chính:* Gồm 14 chỉ tiêu chia làm 4 nhóm:

+ Nhóm chỉ tiêu thanh khoản gồm 3 chỉ tiêu

+ Nhóm chỉ tiêu hoạt động gồm 4 chỉ tiêu

+ Nhóm chỉ tiêu cân nợ gồm 2 chỉ tiêu

+ Nhóm chỉ tiêu thu nhập gồm 5 chỉ tiêu

- *Các chỉ tiêu phi tài chính:* Gồm 40 chỉ tiêu chia thành 5 nhóm

+ Nhóm chỉ tiêu về khả năng trả nợ từ lưu chuyển tiền tệ gồm 02 chỉ tiêu

+ Nhóm chỉ tiêu trình độ quản lý và môi trường nội bộ của DN gồm 09 chỉ tiêu

+ Nhóm chỉ tiêu quan hệ với ngân hàng gồm 11 chỉ tiêu

+ Nhóm chỉ tiêu các nhân tố bên ngoài gồm 07 chỉ tiêu.

+ Nhóm chỉ tiêu các đặc điểm hoạt động khác gồm 11 chỉ tiêu

**2.2.2. Tổ chức quản lý công tác XHTD nội bộ KHDN tại BIDV Đà Nẵng**

Công tác XHTD nội bộ KHDN được thực hiện qua 3 khâu: Chấm điểm xếp hạng (phòng/bộ phận QHKH doanh nghiệp), rà soát độc lập kết quả xếp hạng (phòng QLRR) và phê duyệt kết quả XHTD nội bộ KHDN (Hội đồng TD/Giám đốc). Việc phân chia như vậy đảm bảo tính khách quan do sự tách bạch giữa các khâu. Tuy

vậy, hạn chế của tổ chức quản lý công tác XHTD nội bộ KHDN là: Thiếu sự tham gia của bộ phận kiểm tra nội bộ (kiểm soát sau); Trách nhiệm của các bộ phận có liên quan đến kết quả XHTD nội bộ KHDN chưa được quy định cụ thể; BIDV Đà Nẵng tuy đặt ra mục tiêu thực hiện tốt công tác XHTD nội bộ nhưng thiếu các giải pháp, biện pháp cụ thể để triển khai thực hiện.

### **2.2.3. Thực trạng công tác XHTD nội bộ KHDN tại BIDV Đà Nẵng**

#### ***a. Thu thập và xử lý thông tin XHTD nội bộ KHDN***

Thông tin được thu thập theo quy định của hệ thống XHTD nội bộ. Tuy nhiên, hạn chế ở khâu này chủ yếu là: Việc thu thập thông tin còn thụ động, thiếu tính cập nhật, một số trường hợp thiếu căn cứ; Các thông tin phi tài chính liên quan đến DN rất khó thu thập, thông tin báo chí được sử dụng phổ biến; BCTC thường được cung cấp trễ, nhiều DN còn chưa kiểm toán BCTC; Thông tin chưa được phân tích, đánh giá một cách đầy đủ trước khi chấm điểm xếp hạng.

#### ***b. Thực hiện chấm điểm XHTD nội bộ KHDN***

Việc xếp hạng được hệ thống XHTD nội bộ thực hiện tự động. Thực trạng hiện nay là DN thuộc tất cả các quy mô đang sử dụng chung bộ tiêu chí chấm điểm xếp hạng. Một số chỉ tiêu định lượng vẫn còn phải tính toán thủ công, điều này dễ dẫn đến sai sót, đồng thời mất nhiều thời gian trong công tác XHTD nội bộ. Ngoài ra, nhiều chỉ tiêu định tính được cho điểm một cách cảm tính, thiếu căn cứ.

#### ***c. Rà soát độc lập kết quả XHTD nội bộ KHDN***

Nhiệm vụ rà soát độc lập kết quả XHTD tại BIDV Đà Nẵng được giao cho phòng QLRR thực hiện, nội dung rà soát còn đơn giản, chủ yếu dựa vào quy định vốn rất sơ sài của hệ thống XHTD nội bộ.

Mặc dầu thực hiện chức năng quản lý RRTD của BIDV Đà Nẵng nhưng phòng QLRR chưa thực sự nhận thấy được rủi ro của DN ngay từ khâu XHTD doanh nghiệp.

***d. Phê duyệt kết quả XHTD nội bộ KHDN***

Việc phân cấp phê duyệt hiện nay theo quy mô dư nợ của DN tại thời điểm xếp hạng. Hạn chế của việc phân cấp này chủ yếu ở chỗ một số trường hợp cần tăng cường kiểm soát kết quả XHTD nội bộ nhưng chưa được phân cấp cho Hội đồng TD như DN được xếp hạng lần đầu, DN được xếp tăng hạng, DN được xếp tăng hạng đồng thời được chuyển sang nhóm nợ có chất lượng cao hơn và DN thuộc nhóm ngành rủi ro cao. Phương thức phê duyệt theo hình thức lấy ý kiến đã làm cho hoạt động phê duyệt mang tính thủ tục, kết quả XHTD không được phân tích, đánh giá trước khi ra quyết định

***e. Sử dụng kết quả XHTD nội bộ trong hoạt động TD doanh nghiệp***

***Hỗ trợ sàng lọc DN vay vốn:*** Được thực hiện không chỉ đối với các DN đang có quan hệ TD mà còn thực hiện ngay đối với các DN lần đầu quan hệ TD. Với ý nghĩa cấp TD cho DN mới bao giờ cũng rủi ro hơn DN cũ, việc sàng lọc DN mới được nhân viên QHKH thực hiện cẩn trọng để lựa chọn DN đủ uy tín và năng lực thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Theo quy định của BIDV Đà Nẵng, DN được xếp hạng BBB trở lên mới được xem xét cấp TD lần đầu. Đối với các DN đang có quan hệ TD mà xếp hạng BB đến CC thì xem xét cho vay giảm dần dư nợ hoặc bổ sung đủ 100% tài sản đảm bảo nợ vay, DN xếp hạng thấp hơn thì dừng cho vay và tập trung thu nợ.

***- Thực hiện chính sách khách hàng:*** BIDV Đà Nẵng đã sử dụng kết quả XHTD nội bộ trong việc thực hiện chính sách đối với DN vay vốn như chính sách về cấp TD (giới hạn TD và các tỷ lệ cho



vay), chính sách về TSĐB, chính sách về lãi suất...Tuy nhiên, việc áp dụng chính sách còn mang tính bình quân, thể hiện rõ nhất là chính sách lãi suất.

- ***Đưa ra các điều khoản ràng buộc/hạn chế đối với DN vay vốn:*** BIDV Đà Nẵng áp dụng các điều khoản ràng buộc/hạn chế đối với DN vay vốn, nhưng chủ yếu các ràng buộc/hạn chế này được đưa ra trong quá trình ra quyết định cấp TD cho DN chứ không xuất phát từ công tác XHTD nội bộ.

- ***Giám sát DN vay vốn:*** Việc giám sát DN vay vốn tại BIDV Đà Nẵng cũng đang thực hiện theo quy định vốn rất đơn giản tại trình tự thủ tục cấp TD cho KHDN, BIDV Đà Nẵng chưa giám sát DN vay vốn theo kết quả XHTD nội bộ.

***- Phân loại nợ và trích lập dự phòng RRTD***

Dư nợ của DN được phân thành 5 nhóm: Nợ nhóm 1 (DN xếp hạng AAA, AA, A), nợ nhóm 2 (DN xếp hạng BBB, BB), nợ nhóm 3 (DN xếp hạng B, CCC, CC), nợ nhóm 4 (DN xếp hạng C), nợ nhóm 5 (DN xếp hạng D). Việc trích lập dự phòng RRTD được thực hiện theo quy định tại QĐ 493.

**2.2.4. Đánh giá kết quả công tác XHTD nội bộ KHDN tại BIDV Đà Nẵng**

***a. Số lượng doanh nghiệp được xếp hạng***

Trong ba năm (2010-2012) số lượng DN được XHTD nội bộ đều tăng, DN xếp hạng từ A đến AAA chiếm tỷ trọng cao trong tổng số DN được xếp hạng. Tỷ lệ DN được XHTD nội bộ tăng từ mức 81,7% tại 31/12/2010 đã tăng lên 90,2% tại thời điểm tại 31/12/2012, số DN không được XHTD nội bộ chiếm khoảng 10%. Với tỷ lệ DN được XHTD nội bộ nêu trên cho thấy phần lớn DN đang có dư nợ TD tại BIDV Đà Nẵng đã được kiểm soát bằng công

tác XHTD nội bộ.

***b. Tỷ lệ dư nợ của các DN được XHTD nội bộ***

Tỷ lệ KHDN được XHTD nội bộ khá cao, tuy nhiên dư nợ của các DN này chỉ chiếm khoảng 70% tổng dư nợ. Điều này cho thấy RRTD còn lớn do có khoảng gần 30% dư nợ TD của các DN chưa được kiểm soát bằng kết quả XHTD nội bộ.

***c. Tần suất XHTD nội bộ KHDN***

Tần suất XHTD nội bộ DN đang thực hiện thuận lợi cho BIDV Đà Nẵng trong việc thu thập thông tin về kết quả SXKD hàng quý của DN. Tuy nhiên, trong tình hình nền kinh tế suy giảm như thời gian qua thì việc XHTD nội bộ chưa được thực hiện với tần suất cao hơn để giám sát RRTD của DN vay vốn.

***d. Mức độ thay đổi hạng của doanh nghiệp***

Mức thay đổi hạng của DN thời gian quan là phù hợp, không có sự thay đổi nhanh và liên tục về hạng của DN do yếu tố chủ quan của người xếp hạng hoặc do mục đích thay đổi theo hướng có lợi cho DN (như tạo điều kiện cho việc áp dụng chính sách khách hàng) hoặc có lợi cho NH (như che dấu nợ xấu).

***e. Khả năng đo lường RRTD doanh nghiệp của công tác XHTD nội bộ KHDN***

Khả năng đo lường RRTD doanh nghiệp của công tác XHTD nội bộ còn hạn chế, một số DN được xếp hạng tốt (AAA, AA, A) vẫn gặp khó khăn trong việc trả nợ (nợ gia hạn của các DN này chiếm gần 10% tổng dư nợ KHDN). Bên cạnh đó, tỷ lệ nợ gia hạn của các DN xếp hạng tốt vẫn cao hơn các DN được xếp hạng thấp hơn (các DN xếp hạng BBB có tỷ lệ nợ gia hạn là 0,2%)

***f. Sử dụng kết quả XHTD nội bộ KHDN trong hoạt động TD***

Việc sử dụng kết quả XHTD nội bộ trong hoạt động TD còn

chưa được triển khai thực hiện cho các mục đích sau: Giám sát DN vay vốn, áp dụng lãi suất cho vay theo phân bù RRTD, đưa ra các điều khoản ràng buộc/hạn chế đối với DN vay vốn.

## **2.2.5. Đánh giá chung về công tác XHTD nội bộ KHDN tại BIDV Đà Nẵng**

### ***a. Những mặt đạt được***

Trong 3 năm qua, số lượng và tỷ lệ KHDN được XHTD nội bộ tại BIDV Đà Nẵng luôn gia tăng, đến 31/12/2012 tỷ lệ KHDN được XHTD nội bộ đạt khoảng 90%. Điều này phản ánh BIDV Đà Nẵng đã kiểm soát phần lớn khả năng trả nợ của DN vay vốn bằng kết quả XHTD nội bộ.

Kết quả XHTD nội bộ giúp cho BIDV Đà Nẵng đo lường được RRTD của từng DN, qua đó bằng chính sách khách hàng, BIDV Đà Nẵng thực hiện marketing tín dụng hướng đến các DN ít rủi ro. Đây là yếu tố giúp cho BIDV Đà Nẵng phát triển TD an toàn, mang lại nguồn thu nhập chủ yếu trong hoạt động kinh doanh. Ngoài ra, BIDV Đà Nẵng đã sử dụng kết quả XHTD nội bộ trong việc phân loại nợ và trích lập dự phòng RRTD. Đây là cách thức phân loại nợ có thể nói là tiên tiến hơn so với cách phân loại nợ theo điều 6 QĐ 493 mà phần lớn các NHTM tại Việt Nam đang sử dụng do việc đánh giá khả năng trả nợ của DN một cách toàn diện trên cả hai mặt tài chính và phi tài chính.

### ***b. Những vấn đề hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế***

#### ***❖ Những vấn đề hạn chế***

*Hạn chế xuất phát từ phía BIDV Đà Nẵng*

- Công tác XHTD nội bộ KHDN tuy được đưa vào định hướng chung trong hoạt động TD, tuy nhiên thiếu các biện pháp thực hiện.

- Thiếu khâu kiểm tra sau trên cả phương diện tuân thủ quy trình, khả năng đo lường RRTD và sử dụng kết quả XHTD nội bộ trong hoạt động TD.

- Thiếu các quy định phối hợp nội bộ nhằm quy định rõ trách nhiệm của các bộ phận có liên quan đến công tác XHTD nội bộ.

- Cách thức thực hiện công tác XHTD tại các bộ phận nghiệp vụ còn giản đơn, thiếu tính khoa học, chưa phân tích thông tin trước khi xếp hạng.

- Việc thu thập thông tin xếp hạng rất khó khăn, còn thụ động, thiếu cập nhật.

- Công tác XHTD nội bộ chưa đáp ứng được việc đo lường RRTD đối với toàn bộ danh mục TD của BIDV Đà Nẵng.

- Khả năng đo lường RRTD doanh nghiệp còn hạn chế.

- Tần suất XHTD nội bộ cũng chưa giúp BIDV Đà Nẵng đo lường RRTD thường xuyên trong tình hình nền kinh tế bị suy giảm như thời gian qua.

- Việc thực hiện chính sách khách hàng DN còn mang tính chất bình quân, chưa gắn liền với mức độ rủi ro của từng DN.

#### *Hạn chế xuất phát từ phía Hội sở chính BIDV*

- Chưa xây dựng được bộ tiêu chí chấm điểm xếp hạng DN quy mô nhỏ và vừa.

- Việc nhập nguyên trạng BCTC vào hệ thống XHTD nội bộ đã làm cho kết quả tính toán các chỉ tiêu tài chính của DN trong một số trường hợp còn chưa chính xác.

- Việc thiết kế mức điểm hoặc trọng số của các chỉ tiêu chất lượng TD trong hệ thống XHTD nội bộ vẫn còn chưa phù hợp, thể hiện ở việc DN bị suy giảm khả năng trả nợ vẫn được xếp vào hạng tốt nhất.

- Các văn bản hướng dẫn công tác XHTD nội bộ chưa được ban hành đồng bộ với hệ thống XHTD nội bộ KHDN.

*Hạn chế xuất phát từ các yếu tố bên ngoài BIDV*

- Công tác XHTD nội bộ KHDN của NHTM chưa được áp dụng thống nhất trong toàn hệ thống NH.

- BIDV Đà Nẵng thiếu nguồn thông tin đáng tin cậy để XHTD nội bộ KHDN.

❖ *Nguyên nhân của những hạn chế*

- *Nguyên nhân bên trong*

BIDV Đà Nẵng thiếu định hướng cụ thể cho công tác XHTD nội bộ KHDN. Vai trò của công tác XHTD nội bộ KHDN trong hoạt động TD chưa được nhận thức một cách đầy đủ.

- *Nguyên nhân bên ngoài*

+ Công tác XHTD nội bộ của NHTM thiếu sự giám sát của cơ quan quản lý nhà nước là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

+ Việt Nam thiếu các dịch vụ cung cấp thông tin kinh tế có chất lượng, do vậy các NHTM rất thiếu thông tin để đánh giá hoạt động của DN trong nền kinh tế.

### CHƯƠNG 3

#### HOÀN THIỆN CÔNG TÁC XẾP HẠNG TÍN DỤNG NỘI BỘ KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

##### – CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

#### 3.1. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG GIAI ĐOẠN (2013-2015)

##### 3.1.1. Định hướng chung về hoạt động kinh doanh

##### 3.1.2. Định hướng hoạt động tín dụng

### **3.2. MỤC TIÊU HOÀN THIỆN CÔNG TÁC XHTD NỘI BỘ TẠI NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG**

Hoàn thiện công tác XHTD nội bộ nhằm đảm bảo kết quả XHTD nội bộ đo lường được RRTD của DN, đồng thời nâng cao nhận thức về việc sử dụng kết quả XHTD nội bộ KHDN trong hoạt động TD. Hoàn thiện công tác XHTD nội bộ KHDN tại BIDV Đà Nẵng tập trung vào các nội dung chủ yếu sau: Hoàn thiện khâu tổ chức quản lý thực hiện tại BIDV Đà Nẵng, hoàn thiện các nội dung của công tác XHTD nội bộ KHDN và sử dụng kết quả XHTD nội bộ KHDN trong hoạt động TD.

### **3.3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC XHTD NỘI BỘ TẠI NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG**

#### **3.3.1. Nhóm giải pháp hoàn thiện tổ chức quản lý công tác XHTD nội bộ tại BIDV Đà Nẵng**

*a. BIDV Đà Nẵng cần tổ chức kiểm tra sau đối với công tác XHTD nội bộ khách hàng DN*

Việc tổ chức kiểm tra công XHTD nội bộ cần được tổ chức thực hiện định kỳ ngay sau mỗi kỳ xếp hạng hoặc tiến hành kiểm tra đột xuất khi xuất hiện dấu hiệu suy giảm chất lượng TD.

*b. Ban hành quy định nội bộ về thủ tục thực hiện công tác XHTD nội bộ KHDN tại BIDV Đà Nẵng*

BIDV Đà Nẵng cần chủ động căn cứ vào các nhiệm vụ đã được quy định tại QĐ 8598 để ban hành quy định riêng nhằm đảm bảo cho công tác XHTD nội bộ được tiến hành một cách khoa học và cụ thể trách nhiệm của các cá nhân và bộ phận có liên quan.

*c. Tăng cường thẩm quyền của Hội đồng tín dụng BIDV Đà Nẵng trong việc phê duyệt kết quả XHTD nội bộ KHDN*

BIDV Đà Nẵng cần tăng thẩm quyền phê duyệt kết quả XHTD nội bộ DN cho Hội đồng TD đối với một số trường hợp như: DN được BIDV Đà Nẵng XHTD nội bộ lần đầu; DN được xem xét tăng hạng so với kỳ xếp hạng trước đó; DN được xem xét tăng hạng và chuyển lên nhóm nợ có chất lượng cao hơn so với kỳ xếp hạng trước đó; Doanh nghiệp thuộc nhóm ngành nghề có độ rủi ro cao.

Bên cạnh đó, cần thay đổi cách thức phê duyệt kết quả XHTD nội bộ: chuyển từ hình thức lấy kiến sang các phiên họp tập trung. Qua đó, Hội đồng TD đưa ra quyết định phê duyệt hợp lý trên cơ sở tham khảo ý kiến phân tích, đánh giá của tất cả thành viên Hội đồng TD.

*d. Tổ chức bộ phận lưu trữ thông tin xếp hạng của BIDV Đà Nẵng*

Đây là giải pháp lâu dài nhằm tạo sự chủ động về thông tin xếp hạng. BIDV Đà Nẵng phân công đơn vị đầu mối là phòng QLRR thực hiện xây dựng hệ thống lưu trữ thông tin với sự phối hợp của các bộ phận QHKH doanh nghiệp, bộ phận điện toán và phòng Quản trị tín dụng.

### **3.3.2. Nhóm giải pháp nâng cao khả năng đo lường RRTD doanh nghiệp của công tác XHTD nội bộ tại BIDV Đà Nẵng**

*a. Nâng cao chất lượng thông tin XHTD nội bộ KHDN*

- Tổ chức lại công tác thu thập thông tin xếp hạng tại phòng/bộ phận QHKH doanh nghiệp. Đây là giải pháp trước mắt để phục vụ cho công tác XHTD nội bộ KHDN.

- Quy định việc lập báo cáo phân tích, đánh giá thông tin trước khi chấm điểm xếp hạng DN

- Sử dụng chính sách KH trong việc thúc đẩy DN cung cấp thông tin đầy đủ, đúng hạn.

*b. Tăng cường vai trò rà soát độc lập kết quả XHTD nội bộ của phòng QLRR:* Phòng QLRR cần thực hiện ngay việc quản lý RRTD từ khâu XHTD nội bộ KHDN. Biện pháp chung là tổ chức lại công tác rà soát kết quả XHTD tại đơn vị mình, các biện pháp cụ thể gồm: Nhân viên làm công tác XHTD nội bộ sẽ không kiêm nhiệm công tác kiểm tra nội bộ; Tổ chức thu thập thông tin tại đơn vị mình để có cơ sở rà soát, đối chiếu với kết quả đánh giá của phòng/bộ phận QHKK; Lập danh mục các doanh nghiệp thuộc các ngành có độ rủi ro cao trong từng thời kỳ, các DN thuộc đối tượng này nếu được xếp hạng cao thì cần có phân tích, đánh giá đầy đủ, thuyết phục.

*c. Thực hiện tái XHTD nội bộ khi DN bị suy giảm khả năng trả nợ hoặc phát hiện sai sót làm sai lệch kết quả XHTD nội bộ*

### **3.3.3. Nhóm giải pháp tăng cường vai trò của XHTD nội bộ KHDN trong hoạt động TD tại BIDV Đà Nẵng**

*a. Sử dụng kết quả XHTD nội bộ trong việc giám sát DN vay vốn tại BIDV Đà Nẵng*

Cần xác định được những nhân tố nhạy cảm có khả năng gây nên sự suy giảm khả năng trả nợ của DN, đưa các nhân tố nhạy cảm vào chương trình giám sát DN. Kết quả giám sát cần phải được báo cáo đầy đủ cho các cấp phê duyệt vào kỳ XHTD nội bộ tiếp theo.

*b. Chính sách khách hàng cần được áp dụng phù hợp hơn đối với các DN được xếp hạng*

Chính sách KH cần áp dụng căn cứ theo mức độ rủi ro của từng DN, tránh tình trạng các DN cùng một nhóm hạng (ví dụ AAA, AA, A) thì được áp dụng một chính sách như nhau. Chính sách cần khác



biệt hơn giữa DN có BCTC được kiểm toán và DN không được kiểm toán, DN có mức độ tài sản đảm bảo nợ vay hoặc loại tài sản đảm bảo nợ vay khác nhau.

### **3.3.4. Nhóm giải pháp hỗ trợ công tác XHTD nội bộ KHDN**

*a. Tăng cường đào tạo nhân viên làm công tác XHTD nội bộ*

*b. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác XHTD nội bộ*

## **3.4. KIẾN NGHỊ**

### **3.4.1. Kiến nghị đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

*a. Tăng cường vai trò quản lý của NH nhà nước về công tác XHTD nội bộ của các NHTM*

*b. Trung tâm thông tin tín dụng NHNN (CIC) cần hỗ trợ nhiều hơn cho các NHTM thông tin về DN.*

*c. Trung tâm thông tin tín dụng NHNN (CIC) cần được tổ chức theo hướng là một tổ chức XHTD độc lập*

### **3.4.2. Kiến nghị đối với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

*a. Tăng cường kiểm tra, đánh giá công tác XHTD nội bộ của toàn hệ thống*

*b. Xây dựng bộ tiêu chí XHTD nội bộ cho loại hình DN có quy nhỏ và vừa*

*c. Xây dựng tiêu chí XHTD nội bộ đối với một số DN không được XHTD nội bộ theo quy định hiện hành*

*d. Xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu riêng của BIDV*

## KẾT LUẬN

Qua quá trình nghiên cứu về công tác XHTD nội bộ KHDN tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Đà Nẵng, luận văn “Hoàn thiện công tác xếp hạng tín dụng nội bộ khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Đà Nẵng” đã giải quyết được các vấn đề sau :

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về công tác XHTD nội bộ KHDN tại các NHTM.

- Từ việc phân tích, đánh giá thực trạng công tác XHTD nội bộ KHDN tại BIDV Đà Nẵng, luận văn đưa ra nhận xét về những mặt được cũng như những vấn đề hạn chế trong công tác XHTD nội bộ KHDN tại BIDV Đà Nẵng.

Trên cơ sở lý luận về công tác XHTD nội bộ KHDN và xuất phát từ thực tiễn, luận văn đã đề xuất các giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện công tác XHTD nội bộ KHDN tại BIDV Đà Nẵng.

- Luận văn cũng đưa ra một số kiến nghị đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong việc tăng cường kỷ luật đối với công tác XHTD nội bộ của các NHTM. Việc luật hóa các quy định có liên quan sẽ hỗ trợ tích cực cho các NHTM trong công tác XHTD nội bộ, qua đó nâng cao việc giám sát DN vay vốn, hạn chế RRTD.

Trong quá trình nghiên cứu, đề tài không thể tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế. Để đề tài có giá trị thực tiễn cao, tác giả kính mong nhận được sự chỉ dẫn và đóng góp ý kiến của Quý thầy cô và đồng nghiệp.